

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

116 NGUYỄN ĐỨC CẢNH – LÊ CHÂN – HẢI PHÒNG

MST : 0200815578

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ IV – NĂM 2014**

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 4 năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **CÔNG TY**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 20/10/2014
- Trụ sở chính của Công ty:  
Địa chỉ : Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng  
Điện thoại : (031)3 854 626  
Fax : (031)3 782 326
- Hoạt động chính của Công ty: Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Môi giới hợp đồng hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính; Kinh doanh bất động sản.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính.

### **SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính quý 4 năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn hoạt động trên và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

#### **Ban kiểm soát**

Bà Phùng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trọng Cường	Thành viên
Bà Bùi Thị Trà	Thành viên

## **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vũ Văn Cảnh**  
**Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 12 tháng 01 năm 2015.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MÃ SỐ B 01-DN	
			Đơn vị: VND	
			31/12/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.223.578.810.095</b>	<b>481.772.633.791</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>506.580.539.574</b>	<b>177.402.247.656</b>
1. Tiền	111		385.721.652.440	177.402.247.656
2. Các khoản tương đương tiền	112		120.858.887.134	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>448.550.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	448.550.000.000	-
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>53.901.836.218</b>	<b>174.304.167.251</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	7.754.563.636	1.881.500.000
2. Trả trước cho người bán	132	7	33.913.342.793	23.900.434.297
3. Các khoản phải thu khác	135	8	12.233.929.789	148.522.232.954
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>214.531.655.159</b>	<b>128.012.064.615</b>
1. Hàng tồn kho	141		215.338.946.768	128.012.064.615
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(807.291.609)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.779.144</b>	<b>2.054.154.269</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	220.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	888.491.407
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		14.779.144	945.662.862
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>217.666.987.411</b>	<b>197.715.404.093</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.309.560.766</b>	<b>3.473.526.784</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.309.560.766	3.473.526.784
- Nguyên giá	222		5.945.191.345	4.757.229.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(635.630.579)	(1.283.702.741)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>212.325.347.386</b>	<b>193.427.347.386</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	180.000.000.000	160.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	33.427.347.386	33.427.347.386
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.102.000.000)	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32.079.259</b>	<b>814.529.923</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		32.079.259	814.529.923
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.441.245.797.506</b>	<b>679.488.037.884</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>693.737.031.699</b>	<b>182.322.218.755</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>679.507.031.699</b>	<b>182.322.218.755</b>
1. Phải trả người bán	312	13	591.832.667.728	116.076.838.550
2. Người mua trả tiền trước	313	14	14.939.208.491	8.259.554.610
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		4.817.796.342	63.466.457
4. Chi phí phải trả	316	15	11.035.000.000	982.000.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	48.417.055.856	48.417.055.856
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.465.303.282	8.523.303.282
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.230.000.000</b>	-
1. Dự phòng phải trả dài hạn	337		14.230.000.000	-
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>747.508.765.807</b>	<b>497.165.819.129</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>747.508.765.807</b>	<b>497.165.819.129</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		573.642.410.000	382.499.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.116.236.000	14.270.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.780.251.000	8.677.751.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		146.969.868.807	91.718.588.129
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.441.245.797.506</b>	<b>679.488.037.884</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ (USD)	686,06	462,39

Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập biểu

Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc


Ngày 12 tháng 01 năm 2015





**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013		Năm 2014	
		Quý 4	Lũy kế 31/12/2013	Quý 4	Lũy kế 31/12/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		151.738.239.943	498.949.737.897	572.389.378.039	1.423.761.494.958
2. Các khoản giảm trừ					
- Chiết khấu thương mại					
- Giảm giá hàng bán					
- Hàng bán bị trả lại					
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	18	151.738.239.943	498.949.737.897	572.389.378.039	1.423.761.494.958
4. Giá vốn hàng bán	19	125.688.471.072	406.013.362.809	483.582.319.505	1.242.239.968.595
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		26.049.768.871	92.936.375.088	88.807.058.534	181.521.526.363
6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	186.979.821	1.465.744.248	10.345.579.258	11.064.368.263
7. Chi phí tài chính	21	(214.709.197)	3.839.380.120	4.266.827.834	8.092.987.864
- Trong đó: Lãi vay phải trả				156.321.269	573.098.277
8. Chi phí bán hàng		2.479.093.129	4.706.443.627	20.013.116.243	33.276.122.179
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		852.033.637	3.482.918.094	4.618.322.495	13.430.607.236
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		23.120.331.123	82.373.377.495	70.254.371.220	137.786.177.347
11. Thu nhập khác				594.888.000	2.594.888.453
12. Chi phí khác		2.000.000	2.000.000		2.341.940.335
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(2.000.000)	(2.000.000)	594.888.000	252.948.118
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		23.118.331.123	82.371.377.495	70.849.259.220	138.039.125.465
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	63.466.457	321.534.748	2.138.378.386	2.185.844.787
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		23.054.864.666	82.049.842.747	68.710.880.834	135.853.280.678

  
Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập

  
Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng

  
Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 12 tháng 01 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MÃ SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số		
		Năm 2014	Năm 2013
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>135.853.280.678</b>	<b>82.371.377.495</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	390.787.964	535.011.118
Các khoản dự phòng	03	16.139.291.609	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	105.004.918	462.660.039
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.833.989.569)	(1.286.139.098)
Chi phí lãi vay	06	573.098.277	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>146.227.473.877</b>	<b>82.082.909.554</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	128.798.899.928	89.872.717.859
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(87.326.882.153)	(39.315.929.338)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	499.401.898.414	3.548.178.268
Thay đổi chi phí trả trước	12	599.571.064	(947.643.889)
Tiền lãi vay đã trả	13	(573.098.277)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.264.090.388)	(261.818.291)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.006.669.445
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(211.764.000)	(240.010.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>684.652.008.465</b>	<b>136.745.073.608</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.567.146.547)	(1.491.153.077)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.000.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(448.550.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(100.000.000.000)	(160.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	80.000.000.000	114.989.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	1.286.139.098
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(470.117.146.547)</b>	<b>(45.216.013.979)</b>
<b>CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	114.643.430.000	44.933.960.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	33.377.520.514	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(33.377.520.514)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>114.643.430.000</b>	<b>44.933.960.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>329.178.291.918</b>	<b>136.463.019.629</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>177.402.247.656</b>	<b>40.939.228.027</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>506.580.539.574</b>	<b>177.402.247.656</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Trong năm 2014, Công ty thực hiện tặng vốn chủ sở hữu thông qua việc chia cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu, do đó trong năm không phát sinh khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu tặng vốn và cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu với số tiền tương ứng là 76.499.500.000 đồng.

Tiền chi ra để mua sắm tài sản cố định không bao gồm 594.888.000 đồng do nhà cung cấp tặng cho Công ty.



**Hồ Thị Xuân Hòa**  
Người lập biểu



**Hồ Thị Xuân Hòa**  
Kế toán trưởng



Hải Phòng, ngày 12 tháng 01 năm 2015



## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 22/07/2013
- Vốn Điều lệ: 573.642.410.000 đồng
- Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 22 người.

### **1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đúc sắt thép;
- Đúc kim loại màu;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơmooc và bán rơmooc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất ô tô xe máy;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải: Thiết bị xe có động cơ, rơ mooc và bán rơ mooc;
- Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- Môi giới hợp đồng hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

### **2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : Đồng Việt Nam ( VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

### **3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### **3.2 Hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo Tài chính:

#### **4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo Tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo Tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### **4.3 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân di động. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### **4.4 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu : Theo giá gốc.

#### **4.5 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	6-10
Thiết bị văn phòng	3-10
Phương tiện vận tải	6-10
Tài sản khác	4-25

#### **4.6 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

##### **- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi tỷ giá hối đoái. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.**

Chi phí tài chính bao gồm : Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay lãi vay phải trả, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

#### **4.8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các bên góp vốn.

#### **4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn

thực tế đã được góp bằng tiền theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối :**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh sai sót trngj yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ, việc thoả mãn các tiêu chuẩn Cơ sở kinh doanh của người tàn tật và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	128.304.543	176.231.268
Tiền gửi ngân hàng	385.593.347.897	177.226.016.388
Các khoản tương đương tiền (*)	120.858.887.134	-
<b>Cộng</b>	<b>506.580.539.574</b>	<b>177.402.247.656</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng Thương mại cổ phần.



**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	448.550.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>448.550.000.000</b>	<b>-</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các tổng đại lý	6.614.563.636	1.881.500.000
Khách lẻ	1.140.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.754.563.636</b>	<b>1.881.500.000</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2014		01/01/2014	
	USD	VND	USD	VND
Các đối tượng nước ngoài	305.996	7.567.208.360	-	-
Các đối tượng trong nước	-	26.346.134.433	-	23.900.434.297
<b>Cộng</b>	<b>305.996</b>	<b>33.913.342.793</b>	<b>-</b>	<b>23.900.434.297</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí của dự án nhà ở thu nhập thấp (*)	5.656.736.019	2.686.785.020
Công ty cổ phần TM Hưng Việt (**)	-	145.835.447.934
Lãi tiền gửi phải thu	6.577.193.770	-
<b>Cộng</b>	<b>12.233.929.789</b>	<b>148.522.232.954</b>

(\*) Phản ánh các khoản Công ty đã chi liên quan đến dự án Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng trong Liên doanh với Công ty TNHH Pruksa International. (xem thuyết minh số 27 dưới đây)

(\*\*) Phản ánh khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt số tiền đã góp còn lại chưa thu hồi theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HTKD ngày 01/01/2012 với Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt. Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/NQĐHCD ngày 05/02/2013, đại hội đã thông qua định hướng dừng việc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, Công ty xin rút vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên, chấp nhận không hưởng lãi để tập trung nguồn lực kinh doanh cho Công ty. Tại 01/01/2014 số tiền đầu tư còn là 145.835.447.934 đồng, trong năm Công ty đã thực hiện rút hết vốn và không phát sinh bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào liên quan đến giao dịch nêu trên.

**9.HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	50.438.454.399	53.115.983.834
Thành phẩm	1.816.674.406	-
Hàng hoá	36.214.859.655	13.294.936.125
Hàng gửi đi bán	126.868.958.308	61.601.144.656
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>215.338.946.768</b>	<b>128.012.064.615</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(807.291.609)	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>214.531.655.159</b>	<b>128.012.064.615</b>

**10.TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>4.414.012.727</b>	<b>343.216.798</b>	<b>4.757.229.525</b>
Mua trong năm	4.162.034.547	-	4.162.034.547
Thanh lý, nhượng bán	(2.974.072.727)	-	(2.974.072.727)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>5.601.974.547</b>	<b>343.216.798</b>	<b>5.945.191.345</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>1.117.041.443</b>	<b>166.661.298</b>	<b>1.283.702.741</b>
Khấu hao trong năm	336.263.770	54.524.194	390.787.964
Thanh lý, nhượng bán	(1.038.860.126)	-	(1.038.860.126)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>414.445.087</b>	<b>221.185.492</b>	<b>635.630.579</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>3.296.971.284</b>	<b>176.555.500</b>	<b>3.473.526.784</b>
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>5.187.529.460</b>	<b>122.031.306</b>	<b>5.309.560.766</b>

**11.ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT**

*a. Chi tiết cho cổ phiếu của từng công ty liên kết*

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang (*)	-	-	8.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp (**)	10.000.000	100.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.000.000</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>16.000.000</b>	<b>160.000.000.000</b>

(\*) Trong năm 2014, Công ty thực hiện thoái vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang theo Nghị quyết số 16/QĐHĐQT ngày 12/9/2014 của Hội đồng quản trị.

(\*\*) Theo nghị quyết số 11/QĐHĐQT ngày 24/6/2014, Công ty sẽ thực hiện việc đầu tư góp vốn 100 tỷ đồng (chiếm 45,45% vốn điều lệ) để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp (tổng số vốn điều lệ dự kiến là 220 tỷ đồng).

## 12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty TNHH Prukca International (*)	33.427.347.386	33.427.347.386
<b>Cộng</b>	<b>33.427.347.386</b>	<b>33.427.347.386</b>

(\*) Đầu tư dài hạn khác phản ánh phần vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Prukca Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 ngày 02/01/2013 của Công ty TNHH Prukca Việt Nam, vốn Điều lệ của Công ty TNHH Prukca là 205.800.000.000 VND, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy góp chiếm 15% vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2014, hai bên liên doanh đang thảo luận để thay đổi tỷ lệ vốn góp của các bên trong liên doanh.

## 13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2014		01/01/2014	
	USD	VND	USD	VND
Dongfeng Moto Co.,Ltd	27.686.353	591.823.481.728	5.494.180	115.817.314.400
Các đối tượng trong nước	-	9.186.000	-	259.524.150
<b>Cộng</b>	<b>27.686.353</b>	<b>591.832.667.728</b>	<b>5.494.180</b>	<b>116.076.838.550</b>

## 14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
Khách hàng đại lý	14.839.208.491	8.259.554.610
Khách hàng cá nhân mua lẻ	100.000.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.939.208.491</b>	<b>8.259.554.610</b>

## 15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
Chi phí thường đại lý theo doanh số bán hàng	8.500.000.000	982.000.000
Trích trước chi phí hội nghị khách hàng	2.500.000.000	
Chi phí khác	35.000.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.035.000.000</b>	<b>982.000.000</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam (**)	1.173.035.856	1.173.035.856
Khoản phải trả khác	170.000.000	170.000.000
<b>Cộng</b>	<b>48.417.055.856</b>	<b>48.417.055.856</b>

(\*) Như trình bày tại Thuyết minh số 27 phần thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 15/12/2010 Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước 2,261,000 USD (trương đương với 47.074.020.000 VND tại ngày 31/12/2014) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

(\*\*) Trong năm 2013, Công ty TNHH Pruksa Việt Nam đã chuyển cho Công ty 54.361.080.000 đồng để tiếp tục triển khai các công việc liên quan đến dự án. Tiếp đó, Công ty đã phát hành hóa đơn tài chính trị giá 53.188.044.141 VND cho Công ty TNHH Pruksa Việt Nam để bàn giao chi phí thực hiện dự án. Tại 31/12/2014 số tiền Công ty TNHH Pruksa Việt Nam trả thừa sẽ được bù trừ với các chi phí phát sinh trong giai đoạn tiếp theo.



**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>382.499.480.000</b>	<b>14.270.000.000</b>	<b>8.677.751.000</b>	<b>91.718.588.129</b>	<b>497.165.819.129</b>
Tăng vốn trong năm (*)	114.643.430.000				114.643.430.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	76.499.500.000			(76.499.500.000)	
Lợi nhuận trong năm				135.904.708.962	135.904.708.962
Trích quỹ bổ sung vốn điều lệ (*)			4.102.500.000	(4.102.500.000)	
Giảm khác		(153.764.000)			(153.764.000)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>573.642.410.000</b>	<b>14.116.236.000</b>	<b>12.780.251.000</b>	<b>146.969.868.807</b>	<b>747.508.765.807</b>

(\*) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 24/5/2014 và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 24/5/2014, Đại hội thông qua phân phối lợi nhuận như sau: trích quỹ dự trữ, bổ sung vốn điều lệ 5% tương ứng 4.102.500.000 đồng, trả cổ tức bằng cổ phiếu thường 20% và thực hiện phương án phát hành cổ phiếu như sau.

**Phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ.**

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: Công ty thực hiện việc phát hành 7.649.950 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện 10:2 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 02 cổ phiếu) tương đương 76.499.500.000 đồng.

- Chào bán cổ phiếu: Công ty thực hiện việc chào bán 11.464.343 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền mua 10:3 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được quyền mua 03 cổ phiếu mới) với mệnh giá 10.000VND/cổ phiếu, tổng Vốn cổ phần thu được là 114.643.430.000 đồng

Các thủ tục tăng vốn đã hoàn thành ngày 20/10/2014, số cổ phiếu tăng thêm là 19.114.293 cổ phiếu, tương ứng 191.142.930.000 đồng.

**Vốn điều lệ**

Đến ngày 31/12/2014, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn chủ sở hữu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua từ 382.499.480.000 đồng lên 573.642.410 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 31/12/2014:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số cổ phiếu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
		(Cổ phiếu)	tại 31/12/2014 (VND)	(%)
1	Ông Đỗ Hữu Hạ	21.242.490	212.424.900.000	37,03
2	Ông Đỗ Hữu Hậu	9.659.250	96.592.500.000	16,83
3	Cổ đông khác	26.462.501	264.625.010.000	46,13
	<b>Cộng</b>	<b>57.364.241</b>	<b>573.642.410.000</b>	<b>100,00</b>

**18.DOANH THU**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	1.421.625.460.209	496.813.703.148
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.136.034.749	2.136.034.749
<b>Cộng</b>	<b>1.423.761.494.958</b>	<b>498.949.737.897</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.240.043.460.637	404.238.913.297
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.389.216.349	1.774.449.512
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	807.291.609	-
<b>Cộng</b>	<b>1.242.239.968.595</b>	<b>406.013.362.809</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.263.035.124	809.701.598
Lãi cho vay vốn	77.735.000	476.437.500
Cổ tức nhận được	1.127.774.420	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	595.823.719	179.605.150
<b>Cộng</b>	<b>11.064.368.263</b>	<b>1.465.744.248</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	573.098.277	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.312.884.669	3.376.720.081
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	105.004.918	462.660.039
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.102.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.092.987.864</b>	<b>3.839.380.120</b>

**5.19 Giao dịch với bên liên quan**

Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy**

Mua hàng hoá, dịch vụ năm 2014	90.707.349.864
Giá trị hàng hoá dịch vụ đã cung cấp	

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Sự kiện sau ngày khoá sổ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính

**6.2 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 31/12/2013 được Công ty TNHH kiểm toán VACO kiểm toán.

**6.3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận quý 4 năm 2013 so với quý 4 năm 2014**

Nhằm bổ sung thông tin liên quan đến báo cáo kết quả kinh doanh quý 4 năm 2014 theo quy định về công bố thông tin theo thông tư số 52/2012/TT-BTC của Bộ tài chính Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy xin được giải trình như sau.

Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2014 của Công ty có mức tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước với tỷ lệ tương ứng là 374,9% và 298%. Kết quả kinh doanh quý 4 đạt được như vậy là do thị trường kinh doanh xe ô tô nói chung có khởi sắc so với 6 tháng đầu năm và năm 2013. Do vậy từ khoảng thời gian quý 3 cho đến hết quý 4 nhu cầu và đơn hàng tăng trưởng cao khiến doanh thu của Công ty tăng. Hiện nay các đơn hàng vẫn tiếp tục có sự tăng trưởng ổn định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 4 năm 2014

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đồng thời Ban lãnh đạo Công ty cũng có những chỉ đạo sát sao, nghiên cứu sát thị trường, đề ra các chiến lược kinh doanh, kế hoạch khuyến mại, trích thưởng cho đại lý và khách hàng, nên doanh thu tăng. Do đó không chỉ doanh thu và lợi nhuận của Công ty đều đạt mức tăng trưởng khá nêu trên.



**Hồ Thị Xuân Hòa**  
Người lập



**Hồ Thị Xuân Hoà**  
Kế toán trưởng



**Vũ Văn Cảnh**  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 01 năm 2015

